

# NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG NGHĨA PHÁI SINH CỦA TÍNH TỪ TRONG TIỂU THUYẾT "CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH" CỦA L. TÔLSTÔI

THE ART UTILIZING DERIVATIONAL MEANINGS OF ADJECTIVES TO  
ENHANCE THE IMAGINARY AND EMOTIONAL VALUES IN "WAR AND PEACE"

BY L. TOLSTOY

NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH

(TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

DƯƠNG QUỐC CƯỜNG

(PGS. TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

**Abstract:** The utilization of symbolism-aesthetics in utterances and the recognition of emotion in art are considered as being multi-faceted. L. Tolstoy used an extremely wide range of variety of communication means in his daily composition. By reviewing the literature of utterance forms "to convey arts by wording and to describe the reality of life" in written works by L. Tolstoy and within the scope of this paper, we focus on the art of utilizing derivational meanings of adjectives to enhance the imaginary and emotional values in "War and Peace", a masterpiece by L. Tolstoy.

**Key words:** symbolism; emotion; derivational; meanings; L. Tolstoy; War; Peace; life; adjective; asterpicce.

1. Một trong những yếu tố ngôn ngữ làm cho nhận thức sâu hơn về thế giới đó là hệ thống các phương tiện con người biểu hiện nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ. Trong tác phẩm "Chiến tranh và hòa bình", việc sử dụng và làm tăng tính biểu cảm và tính hình tượng dựa vào việc sử dụng các nghĩa phái sinh - những khả năng biểu hiện những đơn vị ngôn ngữ này, đó là những thành tố của hệ thống ngôn ngữ văn học. Trong tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình" của mình L. Tôlstôi đã mở rộng phạm vi sử dụng các chức năng lời nói bằng những nghĩa phái sinh của tính từ trong ngôn ngữ văn học Nga để mô tả con người, sự vật và hiện tượng. Điều đó cho phép thực hiện trong văn bản văn học không chỉ chức năng tiếp nhận thông tin mà còn cả chức năng đánh giá hình tượng nghệ thuật, làm cho những cảm xúc thật hơn, có ý nghĩa hơn.

2. Đại văn hào L. Tôlstôi rất tài tình sử dụng một trong những phương tiện miêu tả - đó là sử dụng thuộc ngữ tính từ với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh chỉ phẩm chất trong nghĩa cơ bản của tính từ đó. Cách sử dụng như thế cho phép không chỉ thể hiện ý nghĩa cơ bản của tính từ trong nhận biết của người đọc, mà còn thiết lập được sự liên tưởng giữa sự vật được nêu đặc trưng bằng nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của từ. Ví dụ, tính từ *бешеный* có ba nghĩa: 1/bị bệnh điên; 2/phái khùng, điên loạn; 3/quá sức,

quá căng thẳng. Trong câu sau đây tính từ *бешеный* được sử dụng với nghĩa thứ 2: "Да, рассказов! - грамаго заговорил Ростов, вдруг сделавшись бешеными глазами глядя то на Бориса, то на Болконского..." [6, 310].

Các hoán dụ "bộ phận-toàn thể": *бешеный человек - бешеные глаза; бешеный* (nghĩa thứ hai) *взгляд*; sự liên tưởng gần với *бешеным ураганом* (nghĩa thứ ba: cơn cuồng phong dữ dội), *бешеным ветром* (cơn gió dữ dội) - gần với hiện tượng thiên nhiên.

Trong hàng loạt các trường hợp giữa nghĩa phái sinh và nghĩa cơ bản của tính từ có trong trí nhận, sự liên tưởng không phải giữa các sự vật mà giữa các dạng thức nghĩa hóa.

Dạng thức nghĩa hóa cố định ngay bên trong đoạn trích có trường độ khác nhau như: "Посаеж оборвался на середине, посылался крик, тяжёлые ступни княжны Марьи и звуки пощелыва" [6, 126]. Tính từ *тяжёлый* trong ngữ cảnh trên có nghĩa "nặng nề, không thanh thoát"; nghĩa này có được do kết quả của sự chuyển hóa nghĩa từ nghĩa cơ bản "có trọng lượng nặng". Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh trên đây có tính đặc trưng bởi mức độ trừu tượng nhất định, ví dụ: *тяжёлый ум, тяжёлый слог*. Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh trong ngữ cảnh này thuộc dạng thức âm thanh (nghệ

được). Còn trong ví dụ *"имеющий большой вес"* thì ngay trong từ vựng - ngữ nghĩa đã có thể thấy được. Sự liên tưởng giữa dạng thức âm thanh và dạng thức vật thể như kết quả liên kết ngữ nghĩa của nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ, là phương tiện tạo ra nét hình tượng rất đặc trưng: âm thanh của những bước đi nặng nề gọi lên trong đầu người đọc sự cảm nhận nặng nề về lí học, và nó đem lại cho ngữ nghĩa của câu tính tưởng minh và tính nổi trội.

Mối liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ còn có thể gọi lên trong nhận thức người đọc những liên tưởng giữa thế giới con người và thế giới thiên nhiên. Ví dụ, tính từ *светлый* có nghĩa cơ bản *"sáng, có ánh sáng"* và trong nghĩa bóng, nghĩa phái sinh thì gần hơn về mặt ngữ nghĩa đối với nghĩa cơ bản *"sáng sủa"* biểu thị thuộc tính lí học của sự vật và hiện tượng. Sự phát triển nghĩa của từ này dẫn đến sự xuất hiện các ý nghĩa biểu hiện trạng thái cảm xúc của con người *"sung sướng, khoidal chi"*, đánh giá những trí năng của anh ta *"sáng dạ, tinh thông"*. Việc tạo ra những nghĩa này có thể là nhờ sự liên tưởng ánh sáng với những trạng thái con người.

Văn bản văn học cho phép thực hiện liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa phái sinh, nghĩa bóng của tính từ *светлый*: *"Кто говорил с ней и видел при каждом слове её светлую улыбочку и блестящие белые зубы, которые виднелись беспрепятственно, тот думал, что он особенно нынче любезен"* [6, 12]. Trong nụ cười của công tước phu nhân dễ thương hàm chứa hai bình diện ngữ nghĩa: *светлая улыбочка* - nụ cười rạng rỡ là sự minh chứng trạng thái cảm xúc vui sướng và đồng thời nét đặc trưng này trong ngữ cảnh tạo ra nguyên nhân bên trong của nghĩa bóng, nghĩa phái sinh - khuôn mặt đang mỉm cười của công tước phu nhân dễ thương dường như người sáng từ trong ra. Có thể so sánh hình ảnh đó của nụ cười tỏa sáng từ cơ thể cô Elen trong câu sau: *"У неё все освещалось жизнерадостною, самодовольною, молодою неизменною улыбкой и необычайною античною красотой тела"* [6, 17-18].

Các mối liên tưởng giữa các dạng thức xuất hiện trong quá trình nhận biết tính từ *холодный* trong câu: *"Он схватил его за руку своєю костлявою маленькою кистью, потряс её, взглянул прямо в*

*лицо сына своими быстрыми глазами, которые, как казалось, насквозь видели человека, и опять засмеялся холодным смехом"* [6, 142]. Nghĩa cơ bản của tính từ này là *"lạnh, rét, lạnh lẽo"* hiện diện mang tính liên tưởng trong câu trên gián tiếp thể hiện với nghĩa bóng, dạng thức nghe - thấy (thấy bởi vì nét mặt có vai trò nhất định trong nhận biết chất của tiếng cười) với nghĩa *"thờ ơ, hờ hững"* giao thoa ngữ nghĩa với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh *"phẩm định"*. Nghĩa bóng này có thể được thể hiện dưới dạng thức không những nghe được mà còn nhìn thấy được (*холодный взгляд* - cái nhìn lạnh lùng), đánh giá (*холодный прием* - sự tiếp đón lạnh nhạt), và các dạng thức khác.

Tuy nhiên, trong ngữ cảnh rộng lớn hơn của toàn cảnh công tước Andrây chia tay người cha trong nghĩa của tính từ *холодный* còn hàm chứa một cấp độ nữa. Đằng lẽ *равнодушный, бесстрастный* - tiếng cười lạnh lùng - thuộc về con người lạnh lùng hoặc là biểu hiện những tình cảm lạnh lùng. Song Nicôlai Bônkônxki yêu quý và hiểu đứa con trai của mình: sự lạnh lùng của nó do tính hà khắc của nó tạo ra. Ví dụ: *"Только что князь Андрей вышел, дверь кабинета быстро открылась и выглянула строгая фигура старика в белом халате"* [6, 144], nhưng không thờ ơ hoặc không thiện cảm. Cho nên hợp nề nhất tính từ *холодный* trong ví dụ trên nghĩa phái được xác định là *"có vẻ như thờ ơ, nhạt nhẽo"*.

Các mối liên tưởng giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng, nghĩa phái sinh của tính từ có thể dùng làm phương tiện tạo dựng tính biểu cảm, hình tượng.

*"Несколько раз Ростов, завертываясь с головою, хотел заснуть; но опять чье-нибудь замечание развлекало его, опять начинался разговор, и опять раздавался беспричинный, весёлый, детский хохот"* [7, 65].

Tính từ *детский* ở đây được sử dụng với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh *"chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít"*. Nghĩa này có được là do kết quả chuyển hoá nghĩa từ nghĩa cơ bản *"thấp về trẻ con"*. Nghĩa bóng của tính từ *детский* bao hàm cả các nghĩa tố hàm ẩn tính biểu cảm *"эмоциональный"*, *"непосредственный"*, *"открытый"*.

Để dàng khẳng định rằng trong câu trên tiếng cười hô hố vui vẻ, vô cơ như trẻ con của bọn sĩ quan

không gọi lên trong ý thức sự nhìn nhận trực tiếp về trẻ em; tuy nhiên sự nhìn nhận về trẻ con xuất hiện trong ý thức người đọc khi từ nhận sự mô tả nhân vật Pie ở chương 1: “У него, когда приходила улыбка, то сразу, мгновенно исчезало серьезное и даже несколько удержанное лицо и являлось другое-детское, доброе, даже глуповатое и как бы просищее прощения” [6, 28]. Tính từ *детский* được sử dụng trong câu này giống như câu trên, với nghĩa bóng, nghĩa phái sinh “*chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít*”, song nghĩa đó xuất hiện là do kết quả của ngữ nghĩa hoá logic trực quan từ nghĩa cơ bản “*thuộc về trẻ con*”. Tiếng cười như con trẻ của bọn sĩ quan làm nhớ tới tiếng cười của các cháu, nhưng tiếng cười này không hợp: bằng cách thức như thế, ngôn ngữ xác định được sự tương đồng các cảm giác, nhưng không phải là những bản chất. Khi sử dụng tính từ *детский* để mô tả tính cách của Pie nhà văn làm cho người đọc thấy được rất thực đứa trẻ trong con người Pie.

Còn có một khả năng khác với những khả năng ở trên đó là khả năng hiện thực hoá ngữ nghĩa của nghĩa bóng, nghĩa phái sinh tính từ *детский* vào trong tình huống sử dụng nó với nghĩa đánh giá: “Князь Андрей только пожал плечами на детские речи Пьера” [6, 34]. Phương án ngữ nghĩa - từ vựng của tính từ này “*chưa chín chắn, còn non nớt*” là thành phần đối lập của sự đối lập đánh giá “*chín chắn - chưa chín chắn*”. Sự đối lập này tạo ra một trong những thang độ quan trọng nhất của sự đánh giá con người về tâm lí - xã hội. Ngữ cảnh hiện thực hoá nghĩa tố “*chưa biết, chưa thành thục*” trong ý nghĩa chỉ phẩm chất của tính từ: “Князь Андрей только пожал плечами...”. Nghĩa bóng, nghĩa phái sinh vừa xem xét của tính từ *детский* là “*chưa phải người lớn, chưa chín chắn*” có khả năng có thêm tính chất “*phụ gia*”: với sự hỗ trợ của tính chất này việc tự đánh giá thấp của nhân vật có thể được mô tả trong tình huống có “*vấn đề*” và những cảm xúc tiêu cực gắn liền với tình huống đó, ví dụ: “И, озлинув каминату, он обратился к Ростову, которого положение детского неперодолимого конфуза, переходящего в озлобление, он и не удостоивал заметить” [6, 310].

3. Trong tác phẩm “Chiến tranh và hòa bình” việc sử dụng nghĩa phái sinh của tính từ để thể hiện

và làm tăng tính chất biểu cảm và tình hình tượng là dựa vào những khả năng biểu hiện của những đơn vị ngôn ngữ này. Bên cạnh đó với ảnh hưởng tiếng tăm lẫy lừng của cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” của L.Tôn-xtoi đã diễn ra việc mở rộng phạm vi sử dụng các chức năng lời nói những tính từ đa nghĩa trong ngôn ngữ văn học Nga. Về phương diện này, nghĩa phái sinh của tính từ trong “Chiến tranh và hòa bình” đã được ông sử dụng như một phương tiện hiệu quả giúp thấy được và giúp hiểu rõ hơn vai trò các thành tố ngôn ngữ trong việc tạo dựng cấu trúc tư duy đa chiều của tác phẩm văn học, nhằm thể hiện các khái niệm đa nghĩa về các sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan, và nhờ đó, chúng làm cho lời văn trở nên sinh động hơn, biểu cảm hơn. Và chính các thủ pháp này trong việc sử dụng từ vựng trong các tác phẩm của đại văn hào Nga L. Tôbxtôi đã góp phần giúp người đọc nâng cao trình độ cũng như khả năng cảm thụ văn học. Đây là một trong những nét độc đáo trong tài năng của L. Tôbxtôi khiến các hình tượng trở nên cụ thể và sinh động như có thể chạm vào khi ta đọc tác phẩm.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Demxcaia E.A. (1962), *Về những quá trình cơ bản cấu tạo từ tính từ trong ngôn ngữ văn học Nga thế kỉ XIX*, Những vấn đề ngôn ngữ, No2, tr. 46-55.
2. Ermina L.I. (1977), *Thủ pháp tâm lí của từ phái sinh* (trên ngữ liệu các tác phẩm của L. Tônxtôi, No5, Tr. 97 - 109.
3. Hênhixvalđ G.M. (1996), *Đa nghĩa: quan điểm của nhà sử học*, Những vấn đề ngôn ngữ, No5, tr. 3 - 6.
4. Ôzegốp X.I. (1983), *Từ điển tiếng Nga*, Tủ bản lần 14, Nxb “Tiếng Nga”, Mátxcova.
5. Rudin I.G. (1996), *Những khả năng và giới hạn giải thích ý niệm các yếu tố ngôn ngữ*, Những vấn đề ngôn ngữ, No5, tr. 39 - 50.
6. Tôbxtôi L.N. (1953), *Chiến tranh và hòa bình, Tập 1 và 2*, Nxb Văn học nghệ thuật Mátxcova.
7. Tôbxtôi L.N. (1953), *Chiến tranh và hòa bình, tập 3 và 4*, Nxb Văn học nghệ thuật, Mátxcova.
8. Vinôgráđốp V.V. (1959), *Về ngôn ngữ văn học nghệ thuật*, Mátxcova.